

THÁCH THỨC CHO SỰ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP XÃ HỘI TẠI VIỆT NAM

● HUỲNH DIỆU NGÂN

TÓM TẮT:

Trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế toàn cầu hậu Covid-19, phát triển mô hình doanh nghiệp xã hội không chỉ là xu hướng chung, mà còn là giải pháp cần thiết để tất cả các quốc gia trên thế giới giải quyết các vấn đề xã hội, thúc đẩy phát triển kinh tế, hướng đến sự phát triển bền vững, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển như Việt Nam. Bài báo trình bày sơ lược về tình hình phát triển doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam và những thách thức mà các doanh nghiệp xã hội đang đối mặt. Tuy doanh nghiệp xã hội không ngừng phát triển trong những năm qua, nhưng dường như vẫn chưa thể phát huy hết tiềm năng sẵn có. Tác giả cũng đã đưa ra một số khuyến nghị nhằm thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam.

Từ khóa: doanh nghiệp xã hội, thách thức, mục tiêu xã hội, mục tiêu thương mại.

1. Đặt vấn đề

Tại các nước đang phát triển, người dân luôn phải đối mặt với các vấn đề về ô nhiễm môi trường, thiên tai, bất cập trong giáo dục hay điều kiện y tế thiếu thốn. Những năm gần đây, đại dịch Covid - 19 đã và đang tác động mạnh mẽ không chỉ đến đời sống của con người, mà còn đến toàn bộ nền kinh tế - xã hội của thế giới, trong đó có cả Việt Nam. Trong bối cảnh đó, mục tiêu xã hội (XH) cùng với sự phát triển bền vững dần được chú trọng và đề cao. Nhiều cá nhân, tổ chức luôn tìm kiếm mô hình kinh doanh (KD) có thể giải quyết cả hai vấn đề này. Mô hình doanh nghiệp xã hội (DNXH) ngày càng chứng tỏ vai trò trong việc kết hợp với Chính phủ hỗ trợ tích cực và hiệu quả giải quyết các vấn đề XH và khắc phục hậu quả sau đại dịch. Mô hình này mang lại lợi ích kép khi vừa đóng góp không nhỏ trong tạo cơ hội việc làm, xóa đói giảm nghèo

thông qua các chiến lược KD sáng tạo và bền vững, vừa mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp (DN). Mặc dù được đánh giá là một mô hình tiềm năng, cần được thúc đẩy để nhân rộng, cho đến nay, hệ sinh thái DNXH vẫn còn rất khiêm tốn, cần được chú trọng phát triển.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Khái niệm doanh nghiệp xã hội

Lần đầu tiên xuất hiện ở Anh vào thế kỷ XVII, DNXH được chính phủ Anh định nghĩa là “Một mô hình KD được thành lập nhằm thực hiện các mục tiêu XH và sử dụng lợi nhuận để tái đầu tư cho mục tiêu đó hoặc cho cộng đồng, thay vì tối đa lợi nhuận cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.” (Nguyễn Đình Cung và Cộng sự, 2016). Sách Điển hình DNXH tại Việt Nam năm 2016 cũng đã đề cập đến định nghĩa của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD), trong đó “DNXH là những tổ chức hoạt động dưới

nhiều hình thức pháp lý khác nhau vận dụng tinh thần doanh nhân nhằm theo đuổi cùng lúc cả hai mục tiêu xã hội và kinh tế”.

Tuy đã xuất hiện từ rất lâu, nhưng định nghĩa về DNXH vẫn chưa thực sự được thống nhất trên thế giới. DNXH lần đầu tiên được xuất hiện trong pháp luật Việt Nam vào năm 2014. Đến khi sửa đổi bổ sung vào năm 2020, Luật Doanh nghiệp vẫn chưa thực sự định nghĩa DNXH, mà chỉ đưa ra các tiêu chí để xác định DNXH. DNXH là doanh nghiệp được đăng ký thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp, với mục tiêu hoạt động nhằm giải quyết vấn đề XH, môi trường vì lợi ích cộng đồng và sử dụng ít nhất 51% tổng lợi nhuận hằng năm của doanh nghiệp để tái đầu tư, nhằm thực hiện mục tiêu XH, môi trường như đã đăng ký.

2.2. Đặc điểm của doanh nghiệp xã hội

Thứ nhất, DNXH là sự kết hợp mục tiêu XH và mục tiêu thương mại. Được định nghĩa là một DN nên đặc trưng cơ bản của DNXH là phải có hoạt động sản xuất KD. Nhưng là một DNXH, mục tiêu thương mại cần phải có sự kết hợp với các giải pháp giải quyết vấn đề XH.

Thứ hai, DNXH hướng tới cộng đồng. DNXH từ khi thành lập đã mang trên mình sứ mệnh phải lấy mục tiêu XH là giá trị cốt lõi. Một số DN truyền thống vẫn có thể tạo ra tác động XH nhưng mục đích chính lại là lợi nhuận. Ngược lại, hình thức KD được DNXH sử dụng như một công cụ để đạt được mục tiêu XH của mình (Nguyễn Thị Như Ái, 2019).

Thứ ba, lợi nhuận được tái đầu tư cho XH. Trong pháp luật Việt Nam cũng đã quy định rõ về việc sử dụng ít nhất 51% tổng lợi nhuận hằng năm của DN để tái đầu tư nhằm thực hiện mục tiêu XH, môi trường (Luật Doanh nghiệp, 2020). DNXH cần hướng đến sự phát triển bền vững nên ngoài việc duy trì tài chính bền vững, DNXH phải đảm bảo cân bằng trong việc tạo ra giá trị và tác động tích cực lên XH. Đó cũng là một trong những đặc điểm then chốt để phân biệt DNXH và DN thông thường.

3. Tình hình phát triển doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam

3.1. Quy mô, phạm vi và lĩnh vực kinh doanh

Tuy DNXH ở Việt Nam xuất hiện muộn hơn so với thế giới nhưng tiềm năng để phát triển mô hình

này rất lớn. Năm 2012, theo CSIP, Việt Nam có khoảng 200 DNXH, chủ yếu tập trung ở lĩnh vực giáo dục, đào tạo hướng đến người khuyết tật, yếu thế cùng các sản phẩm thủ công (Nguyễn Đình Cung và các cộng sự, 2012). Đến năm 2018, nhóm nghiên cứu của PGS.TS. Trương Thị Nam Thắng đã thống kê được Việt Nam có khoảng 550 nghìn doanh nghiệp đang hoạt động, trong đó có khoảng 22.000 DNXH, chiếm khoảng 4%, đa dạng trong nhiều lĩnh vực, nổi bật là Nông nghiệp, thủy sản, thực phẩm với 31,7% và Giáo dục phát triển kỹ năng với 29,7%.

Đa số DNXH ở Việt Nam đều có quy mô vừa và nhỏ (chiếm hơn 90%). Cũng theo nghiên cứu lớn nhất về DNXH tại Việt Nam, có đến 30% DNXH có quy mô siêu nhỏ (dưới 10 nhân viên), có khoảng 39% DNXH có quy mô nhỏ (dưới 50 nhân viên) và 22% DNXH có quy mô vừa (dưới 250 nhân viên). Số lượng DNXH quy mô lớn tại Việt Nam chỉ chiếm khoảng 8% (Trương Thị Nam Thắng và Cộng sự, 2018). Theo Báo cáo nghiên cứu Hiện trạng DNXH tại Việt Nam thì DNXH có doanh thu gần 1 tỷ chiếm khoảng 40%, từ 1 đến 5 tỷ khoảng 19%, từ 5 đến 25 tỷ chiếm khoảng 23% và trên 25 tỷ chiếm khoảng 12%. Có thể nói, DNXH tại Việt Nam có quy mô nhỏ không chỉ về nguồn lực mà còn cả doanh thu.

Ngoài ra, cũng như DNXH ở các quốc gia khác trên thế giới, các DNXH tập trung nhiều ở các thành phố lớn, trong đó tổng 4 tỉnh thành lớn nhất, bao gồm Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng và Hải Phòng chiếm 66%. Hơn thế nữa, cuộc khảo sát với 492 phiếu năm 2018 đã chỉ ra rằng các DNXH tập trung phục vụ thị trường thành thị, khi có 5% chỉ phục vụ thị trường nông thôn, 74% hướng đến cả 2 thị trường và 21% chỉ phục vụ thị trường thành thị. Việc mức sống tại thành thị cao hơn, người dân có khả năng chi trả cho các sản phẩm/dịch vụ là lí do tại sao 95% số DNXH phục vụ thị trường này.

3.2. Khung pháp lý, chính sách, gói hỗ trợ từ Nhà nước và các tổ chức khác

DNXH lần đầu tiên xuất hiện trong pháp luật Việt Nam, tại khoản 1 điều 10 Luật Doanh nghiệp 2014, tuy nhiên, lại không đưa ra định nghĩa mà

chỉ đưa ra các tiêu chí đáp ứng. Cho đến nay, Việt Nam đã có những nhóm quy phạm pháp luật liên quan đến đặc trưng, hình thức pháp lý của DNXH; việc thành lập, tổ chức và chấm dứt hoạt động; quyền và nghĩa vụ của DNXH cũng như việc kiểm tra, giám sát (Trịnh Diệp Ly, 2020). Tuy nhiên, cho đến hiện nay, DNXH chưa thực sự có những khung pháp lý riêng dành cho DNXH, mà DNXH trong pháp luật Việt Nam vẫn chỉ như một doanh nghiệp thông thường.

Tuy vẫn còn nhiều hạn chế, nhìn chung, Việt Nam đang có những chính sách hỗ trợ cho DN tạo tác động XH. Cụ thể là theo Nghị định số 69/2008/NĐ-CP đưa ra những ưu đãi về cơ sở hạ tầng, đất đai, ưu đãi thuế, cung cấp dịch vụ công cho các DN hoạt động trong giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao và môi trường. Các chính sách hỗ trợ hợp tác xã sản xuất, KD liên quan đến thuế, kinh phí đào tạo, xúc tiến thương mại, khoa học công nghệ, vốn và các chương trình phát triển kinh tế được quy định trong Nghị định số 193/2013/NĐ-CP. Sau khi được đề cập trong Luật Doanh nghiệp năm 2014, Nhà nước ban hành Nghị định số 96/2015/NĐ-CP khuyến khích và tạo điều kiện cho các DN có mục tiêu XH; ưu đãi và hỗ trợ đầu tư, tiếp nhận viện trợ phi chính phủ nước ngoài. Tuy nhiên, cho đến nay, Nghị định này vẫn chưa thực sự đưa ra hướng dẫn chi tiết cho DNXH mà vẫn phải căn cứ vào luật chuyên ngành.

3.3. Hoạt động đầu tư, hỗ trợ tài chính

Năm 2008, Trung tâm Hỗ trợ sáng kiến phục vụ cộng đồng (CSIP) được thành lập và đã triển khai Chương trình Hỗ trợ Doanh nghiệp xã hội (SESP) vào năm 2009. Trong 6 năm (2009-2014), chương trình đã hỗ trợ cho 60 DNXH trong nhiều lĩnh vực với tổng vốn 450.000 USD, tạo ra 1.500 việc làm, cải thiện đời sống trực tiếp cho hơn 18.000 người và gián tiếp cho 200.000 người (SCIP, 2014). Tính đến năm 2019, dự án Hỗ trợ DNXH vì sự Phát triển Nông thôn sáng tạo và bền vững (SERD) được triển khai năm 2016 đã có 63 gói tư vấn cho 41 DNXH, tăng thu nhập cho 1.168 lao động yếu thế, đem lại lợi ích cho 13.707 người và doanh thu tăng vượt trội trên 20% cho khoảng 16 đơn vị. Cũng trong năm này, Dự án Hỗ trợ Doanh nghiệp KD

trong chuỗi giá trị nông nghiệp (EFD2) đã lựa chọn và hỗ trợ cho 8 trong số 66 DN đăng kí, tạo 327 việc làm, trong đó có 77% là lao động nữ (SCIP, 2019). Năm 2020 và 2021, CSIP tiếp tục thực hiện nhiều dự án hỗ trợ cho DNXH, bao gồm: Dự án hỗ trợ DN KD trong chuỗi giá trị nông nghiệp (EFD), Dự án nâng cao năng lực cho các tổ chức kinh doanh hàng hóa và dịch vụ liên quan đến HIV; Dự án làm du lịch trở nên có lợi cho cộng đồng địa phương, (CSIP, 2021)

4. Thách thức cho phát triển doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam

Thứ nhất, DNXH gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiếp cận nguồn nhân lực.

Trong khi các DN vì mục tiêu thương mại sẽ tìm kiếm những người có năng lực, kỹ năng, tay nghề thì DNXH lại ưu tiên cho các nhóm đối tượng đặc biệt như người khuyết tật, phụ nữ vùng nông thôn nên chất lượng nguồn nhân lực tại các DNXH còn thấp, thiếu ổn định và năng suất lao động không cao. Không những thế, việc đào tạo cho nguồn nhân lực này tốn rất nhiều thời gian và chi phí cho DNXH, đặc biệt đối với những DNXH sử dụng người lao động là người khuyết tật, HIV, người mãn hạn tù... thì chi phí chăm sóc sức khỏe và tinh thần, chăm lo đời sống sinh hoạt là một phần không nhỏ. Tuy đã có nhiều doanh nhân trẻ khởi nghiệp XH, nhưng nhìn chung, nhận thức của giới trẻ về DNXH còn nhiều hạn chế. Hơn thế, để làm việc và phát triển DNXH, đòi hỏi nguồn nhân lực phải giỏi về cả kiến thức thương mại và cả kỹ năng cộng đồng. Tại Việt Nam, DNXH chưa thực sự nhận được các ưu đãi, hỗ trợ từ Chính phủ liên quan đến nguồn nhân lực. Nhìn chung, Nhà nước chỉ có chính sách dành cho DN sử dụng lao động là người khuyết tật và chính sách này được đánh giá vẫn còn nhiều bất cập (Hoàng Xuân Trường, 2020).

Thứ hai, việc huy động vốn của DNXH gặp nhiều khó khăn.

Nguồn vốn của DNXH hiện nay chủ yếu đến từ vốn góp từ cổ đông (chiếm 40%) và tiền cá nhân (34%); trong khi 82% DNXH ở Anh được góp vốn từ tiền tài trợ và 24% từ vốn vay (SEUK, 2017). Một trong những nguyên nhân gây khó khăn cho

việc huy động vốn từ các tổ chức trên thế giới là do quy mô của DNXH tại Việt Nam không đủ yêu cầu. Điển hình là Quỹ đầu tư Oxfarm yêu cầu DN phải có doanh thu từ 6 tỷ đồng trở lên (chỉ có khoảng 30% DNXH tại Việt Nam đạt yêu cầu) và tỷ suất sinh lợi ổn định. Một số tổ chức khác như Lotus Impact lại xem xét đến năng lực quản trị và khả năng phát triển của mô hình KD. (Trịnh Diệp Ly, 2020). Hiện nay, hơn 90% DNXH nước ta thuộc loại vừa và nhỏ, khả năng quản trị lại yếu kém nên việc xin viện trợ từ các tổ chức thế giới là một thách thức vô cùng lớn. Bên cạnh đó, việc tiếp cận nguồn tín dụng trong nước cũng không thực sự dễ dàng. Một là, DNXH ở nước ta có quy mô nhỏ nên không có tài sản thế chấp. Hai là, lãi suất của các tổ chức tín dụng đưa ra nằm ngoài khả năng sinh lợi của DNXH. Ba là, các dự án XH luôn có thời gian hoàn vốn dài hơn. Và cuối cùng là cơ chế hành chính chưa hoàn thiện và có phần rườm rà khiến cho các DNXH gặp khó khăn trong việc nắm bắt thông tin, xin viện trợ cũng như huy động vốn vay.

Thứ ba, vai trò của DNXH chưa được nhận thức một cách đúng đắn.

DNXH trong pháp luật Việt Nam hiện nay đang được xác định với tư cách pháp lý là DN và chưa có cơ chế, chính sách thực sự ưu đãi cho DNXH mà chủ yếu áp dụng cho DN có tác động XH. Ngoài ra, chỉ một bộ phận rất nhỏ các tổ chức tín dụng trong nước hỗ trợ cho phát triển XH, do được xét như một DN thông thường, cùng với tỷ suất sinh lợi thấp, khó đáp ứng được lãi vay nên cơ hội duyệt được vốn thấp. Bên cạnh đó, người dân đã có nhiều sự nhầm lẫn giữa các DNXH và các tổ chức từ thiện, hoạt động từ thiện tại Việt Nam trong những năm qua lại không được đánh giá cao, dẫn đến các DNXH cũng không nhận được sự tin tưởng từ người tiêu dùng. Mặt khác, việc kết hợp giữa các DNXH và các trung tâm bảo trợ trẻ em, các tổ chức phục vụ cộng đồng cũng gặp nhiều rào cản vì e ngại có yếu tố thương mại. Chính sự thiếu hụt trong truyền thông, quảng bá, vận động đã khiến người dân không biết hoặc nghi ngờ sự hiện diện của các DNXH. Điển hình là Ứng dụng sử dụng phần mềm thông minh trong phát hiện và chăm sóc trẻ tự kỷ A365 của Trung tâm Sáng kiến

sức khỏe vì dân số kết hợp với Mạng lưới tự kỷ Việt Nam bị không ít người tiêu dùng nghi ngờ là lừa đảo (Việt Quang, 2021).

5. Một số giải pháp cho phát triển doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam

Thứ nhất, hoàn thiện khung pháp lý hoàn chỉnh cho DNXH.

Nhà nước cần xác định rõ đặc trưng pháp lý của DNXH cho phù hợp với bản chất của DNXH thay vì chỉ là DN như hiện nay. Tuy Việt Nam đã có ban hành một số nghị định liên quan đến DN tạo tác động XH, nhưng cần có sự hướng dẫn cụ thể cũng như ưu đãi riêng biệt dành cho DNXH. Bên cạnh đó, việc bất cập trong các quy định liên quan đến DNXH cũng cần được khắc phục, để mang lại hiệu quả tối ưu cho mục tiêu phục vụ cộng đồng.

Thứ hai, nâng cao nhận thức cộng đồng về vai trò của DNXH.

Việc thường xuyên tổ chức các cuộc thi, các hội thảo chuyên đề, các thông cáo báo chí, cũng như vinh danh các DNXH sẽ giúp cộng đồng quan tâm và tin tưởng hơn vào hoạt động của các DNXH. Ngoài ra, việc cấp chứng chỉ cho các DNXH như là một hình thức gắn mác chất lượng cho các DNXH, góp phần đưa DNXH đến gần hơn với người tiêu dùng (Trương Thị Nam Thắng và cộng sự, 2018). Một cơ quan chuyên trách với vai trò là sự kết hợp giữa DNXH và Chính phủ cũng là một giải pháp hợp lý mà Việt Nam cần học hỏi kinh nghiệm từ các quốc gia có DNXH phát triển như Anh và Singapore.

Thứ ba, đào tạo nguồn nhân lực là một điều tất yếu trong việc phát triển DNXH tại Việt Nam.

Các DNXH thường sử dụng người lao động là người khuyết tật, HIV, phụ nữ nên việc đào tạo nguồn nhân lực để quản lý và phù hợp với văn hóa doanh nghiệp thực sự cần thiết. Ngoài ra, thực tế cho thấy rằng nhiều doanh nhân trẻ với nhiều lý tưởng mang lại lợi ích cho XH nhưng lại thiếu khả năng về KD nên dễ gặp thất bại trong khởi nghiệp XH. DNXH hoạt động với mục tiêu kép là mục tiêu XH và mục tiêu thương mại, nên người lao động phải cần có đủ các kiến thức và kỹ năng cần thiết để gắn bó và duy trì DN của mình. Không chỉ riêng DN, Nhà nước cũng cần có những khóa đào tạo, bồi

dưỡng cán bộ quản lý trong việc thẩm định và phát triển các dự án phục vụ cộng đồng.

Thứ tư, cần có sự phối hợp đồng bộ giữa Nhà nước và các bên liên quan.

Theo SCIP, DNXH có 4 loại vốn cơ bản, gồm tài chính, XH, trí tuệ và con người nên việc kết nối giữa DNXH với cộng đồng cũng như nhà đầu tư, tổ chức, người tiêu dùng là then chốt để phát triển DNXH. Nhà nước cần tăng cường các chính sách ưu đãi dành riêng cho DNXH liên quan đến thuế, BHXH, tiếp cận nguồn vốn. Đối với các tổ chức giáo dục, cần có những chính sách đào tạo phát

triển kỹ năng XH cho học sinh, sinh viên; thường xuyên tổ chức các cuộc thi tìm kiếm ý tưởng khởi nghiệp vì cộng đồng; hỗ trợ DNXH trong việc đào tạo, bồi dưỡng người lao động. Ngoài ra, Nhà nước cần phát triển hệ sinh thái DNXH thông qua việc thường xuyên xây dựng diễn đàn kết nối các DNXH, truyền thông quảng bá, khuyến khích các DN lớn mua sản phẩm của DNXH; mua hàng hóa dịch vụ của DNXH cho các tổ chức công;... Hạn chế và giảm thiểu các thủ tục hành chính cũng là một trong những giải pháp giúp tăng cường khả năng tiếp cận của DNXH đến với các nguồn vốn ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Chính phủ (2008), *Nghị định số 69/2008/NĐ-CP về chính sách khuyến khích xã hội hóa số.*
2. Chính phủ (2013), *Nghị định số 193/2013/NĐ-CP hướng dẫn luật hợp tác xã năm 2012.*
3. Chính phủ (2015), *Nghị định số 96/2015/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết Luật Doanh nghiệp.*
4. Chính phủ (2020), *Luật Doanh nghiệp 2020.*
5. CSIP (2015), *Báo cáo thường niên 2014.*
6. CSIP (2020), *Báo cáo thường niên 2019.*
7. CSIP (2022), *Báo cáo thường niên 2021.*
8. Hoàng, X.T.(2020), Cơ chế pháp lý thúc đẩy doanh nghiệp xã hội sử dụng lao động là người khuyết tật, *Tạp chí Công Thương*, số 17 tháng 7. Truy cập tại: <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/co-che-phap-ly-thuc-day-doanh-nghiep-xa-hoi-su-dung-lao-dong-la-nguoi-khuyet-tat-74979.htm>
9. Nguyen, Đ.C., Lưu, M.Đ., Pham, K.O., Tran, T.H.G. (2012), *Doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam: Khái niệm, bối cảnh và chính sách*, Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương (CIEM), Hà Nội, Trung tâm Hỗ trợ Sáng kiến Phục vụ Cộng đồng (CSIP) và Hội đồng Anh Việt Nam.
10. Nguyễn, Đ.C., Nguyen, M.T., Ngô, M.T., Truong, T.N.T, Tran, T.H.G, Hoàng, T.G., Vũ, T.H.G. (2016), *Diễn hình doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam*, Hà Nội, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Hội đồng Anh Việt Nam và Trường Đại học Kinh tế quốc dân.
11. Nguyễn, T.N.A (2019), *Chuyển đổi tổ chức phi chính phủ thành doanh nghiệp xã hội vì mục tiêu bền vững: Kinh nghiệm quốc tế và hàm ý cho Việt Nam*, Hà Nội.
12. SEUK (2017). *The Future of Business - State of Social Enterprise Survey 2017*. UK: Social Enterprise UK.
13. Trinh, D.L. (2020), Một số vướng mắc trong quy định của pháp luật về Doanh nghiệp xã hội, *Tạp chí khoa học Trường Đại học Hồng Đức*, số 48.2020.
14. Trương, T.N.T, Hazenberg, R., OConnell, S., Trần, H.N., Đình, A.T., Bùi, T.L, Nguyễn, P.M. (2018), *Thúc đẩy phát triển khu vực doanh nghiệp tạo tác động xã hội tại Việt Nam*, Hà Nội, Trung tâm Sáng tạo Xã hội và Khởi nghiệp, Trường Đại học Kinh tế quốc dân và UNDP.

15. Trương, T.N.T, Lưu, T.G., Đinh, A.T. (2020), *Khảo sát “Ảnh hưởng của Covid - 19 đến Khu vực Doanh nghiệp xã hội và nhu cầu hỗ trợ”*, Hà Nội, Trung tâm Khởi nghiệp và Sáng tạo Xã hội và Trường Đại học Kinh tế quốc dân.
16. Tùng, L.(2022), Hợp báo công bố “Gói hỗ trợ doanh nghiệp tạo tác động xã hội ứng phó với COVID-19”. Truy cập tại: <https://www.mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=53995&idcm=188>
17. Việt, Q. (2021), Tìm lối đi cho doanh nghiệp xã hội trong tình hình mới. Truy cập tại: <https://nhandan.vn/tim-loi-di-cho-doanh-nghiep-xa-hoi-trong-tinh-hinh-moi-post644930.html>

Ngày nhận bài: 30/12/2022

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 5/1/2023

Ngày chấp nhận đăng bài: 15/1/2023

Thông tin tác giả:

ThS. HUỖNH DIỆU NGÂN

Giảng viên Khoa Marketing - Kinh doanh quốc tế

Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh (HUTECH)

CHALLENGES FACING THE DEVELOPMENT OF SOCIAL ENTERPRISES IN VIETNAM

● Master. **HUYNH DIEU NGAN**

Lecturer, Faculty of Marketing and International Business,
HUTECH University

ABSTRACT:

The global socio-economy has been severely affected by the COVID-19 pandemic. In this context, the development of social enterprises is not only a general trend but also an essential solution solving social issues, promoting economic growth towards sustainable development that every country needs to pay attention, especially developing countries like Vietnam. This paper briefly outlines the current development of social enterprises in Vietnam and the challenges they are facing. Although social enterprises have continuously grown over the years, they still seem to be unable to perform their full potential. This paper also proposes some recommendations to support the development of social enterprises in Vietnam.

Keywords: social enterprise, challenge, social objective, commercial objective.